TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 10/02/2023
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử & Bà Nguyễn Vũ Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Y Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2022 về việc *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phan Hữu Th**, sinh năm 1980.

- *Bị đơn:* **Phan Thị X**, sinh năm 1984.

Đồng trú: thôn V, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2022 và quá trình tố tụng nguyên đơn Phan Hữu Th trình bày như sau:

Quan hệ hôn nhân: Tôi và bị đơn Phan Thị X kết hôn năm 2003 tại Uỷ ban nhân dân xã S1, huyện S, trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân với nhau.

Con chung: Phan Thị Ý V, sinh ngày 27/10/2005 và Phan Ngọc Thảo V1, sinh ngày 01/01/2011. Các con chung trên 7 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử hỏi ý kiến của các con.

Tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn Phan Thị X trình bày như sau: Tôi không thông nhất ly hôn với nguyên đơn Phan Hữu Th vì tôi còn thương chồng, hai con đang đi học nên việc cha mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đên tâm lý cũng như việc học của con chung. Mặt khác, tuy vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhưng chỉ là nhỏ nhặt. Do tôi không thống nhất ly hôn nên con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm tôi thống nhất để nguyên đơn Phan Hữu Th chịu. Ngoài ra tôi không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Ý kiến của các con chung: Không muốn ba mẹ ly hôn.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Con chung khi ly hôn thống nhất để bị đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng cho hai con chung.

- Bị đơn không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

2. Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Con chung: Giao hai con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 5.000.000đ.

4. Tài sản: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

5. Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện S đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Ngày 22/11/2022, nguyên đơn Phan Hữu Th cung cấp đơn yêu cầu thu thập chứng cứ nhưng nội dung đơn thể hiện *"Hai vợ chồng kết hôn từ năm 2003 đến năm 2021 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ tháng 4/2021, mục đích hôn nhân không đạt được và có xác nhận của Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ xã S1"*. Mặt khác, nguyên đơn trình bày hai vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc đến nhau và đã sống ly thân. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Quá trình tố tụng bị đơn trình bày: Giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, việc vợ chồng không sống chung là do tính chất công việc của nguyên đơn làm lái xe thường xuyên xa nhà. Mặt khác, hai con chung đang tuổi ăn, tuổi học việc cha mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng xấu đến tâm lý của các con chung. Do đó, tôi không đồng ý ly hôn vì còn rất yêu thương chồng và mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

[3] Tại phiên tòa: Nguyên đơn khai giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn mà chỉ là mâu thuẫn giữa bị đơn với mẹ và chị chồng. Nguyên đơn cũng thừa nhận trong quá trình chung sống bị đơn đã thực hiện tốt nghĩa vụ của người vợ, người mẹ là yêu thương chồng, chăm sóc con cái và hiếu thuận với cha mẹ. Mặt khác, hai con chung không muốn cha mẹ ly hôn và mong muốn được có được tình thường của cả cha lẫn mẹ.

[4] Với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên, bị đơn và lời khai của các con chung. Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn chưa lâm vào tình trạng trầm trọng đến mức đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là không có căn cứ và không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Con chung, tài sản và nợ chung: Do không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 54 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Phan Hữu Th với bị đơn Phan Thị X.

2. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên các vấn đề con chung, tài sản và nợ chung không xem xét.

3. Án phí: Buộc nguyên đơn Phan Hữu Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002919 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh (01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

Bạch Văn Trinh